

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XUẤT KHẨU PHAN THIẾT
282 NGUYỄN HỘI, PHAN THIẾT, BÌNH THUẬN
ĐIỆN THOẠI : 02523821947 ; FAX : 02523823347
WEBSITE : www.phanthietgarment.com.vn

-----o0o-----

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Hôm nay, vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 03 năm 2019, tại hội trường Công ty CP may XK Phan Thiết, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP may XK Phan Thiết năm 2019 được nhóm họp.

THÀNH PHẦN DỰ ĐẠI HỘI GỒM CÓ:

- + Tổng số cổ đông triệu tập theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số: 131/2019-PTG/VSD-ĐK, ngày 27 / 02 /2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 167 người, sở hữu 4.604.385 cổ phần = 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- + Tổng số cổ đông dự đại hội đồng cổ đông hôm nay: 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu: 4.603.815 cổ phần = 99.99 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- + Tổng số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: 69 người, số cổ phần ủy quyền: 1.467.270 cổ phần.
- + Tổng số cổ đông vắng mặt không ủy quyền: 05 người, số cổ phần không ủy quyền: 570 cổ phần (Có danh sách cổ đông dự họp đính kèm).

NỘI DUNG CỤ THỂ:

I/ Tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

- + Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông hiện diện: 93/ 167 người, sở hữu và đại diện sở hữu: 4.603.815 cổ phần = 99.99 % số cổ phần có quyền biểu quyết
- Những người hiện diện đều có đủ tư cách cổ đông. Những người đại diện cổ đông đều có sự ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.

Căn cứ điều 18 điều lệ Công ty CP may XK Phan Thiết và khoản 1 điều 141 luật doanh nghiệp năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công Ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết được tiến hành hợp lệ (có báo cáo thẩm tra cổ đông kèm theo).

II/ Chủ tọa Đại hội:

Ông HUỖNH VĂN NGHI, Chủ tịch HĐQT (theo như quy định tại điều 19, điểm 4 điều lệ Công ty)

III/ Bầu ban thư ký:

- 1/ Ông: NGUYỄN TẤN VŨ
- 2/ Bà: NGUYỄN THỊ XUÂN MAI

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

IV/ Thông qua nội dung, chương trình Đại hội:

Nội dung đại hội: Theo giấy mời họp ĐHCĐ ngày: 11/03/2019 cụ thể như sau:

- 1/ Báo cáo của HĐQT về thực hiện nghị quyết năm 2018 và phương hướng năm 2019.
- 2/ Báo cáo tài chính năm 2018.
- 3/ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

4/ Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018.

5/ Biểu quyết phát hành 129.400 cổ phiếu (3% CP hiện có của cty) trong năm 2019 bán cho cán bộ quản lý đang làm việc tại Công ty (Qui chế, đối tượng và số lượng được mua theo danh sách đính kèm).

6/ Biểu quyết điều chỉnh sửa đổi điều 5, điểm 1 của điều lệ Công ty, nâng vốn điều lệ của công ty lên 47.337.850.000 đồng và số cổ phần là 4.733.785 cổ phần.

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội tiến hành thực hiện các nội dung trên

Sau khi nghe các báo cáo của Chủ tịch HĐQT, BKS và của Giám đốc tài chính công ty. Đại hội thảo luận và thống nhất như sau:

1/ Thống nhất báo cáo của HĐQT tổng kết năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019.

Kế hoạch năm 2019 với một số chỉ tiêu chính sau:

- Tổng doanh thu:	396.024.297.000	đồng
- Doanh thu CM (Ti giá 23.000đ)	356.335.297.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	43.671.118.000	đồng
- Tỷ lệ %lợi nhuận trước thuế/doanh thu :	11,03	%
- Trích bù quỹ lương dự phòng	30.000.000.000	đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp 20%	2.734.223.600	đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	10.936.894.400	đồng
- Chia cổ tức 20% vốn điều lệ mới	9.467.570.000	đồng
- Đầu tư:	50.000.000.000	đồng
Trong đó: + Máy móc thiết bị	10.000.000.000	đồng
+ Khu công nghiệp Phú Long	40.000.000.000	đồng

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2/ Thống nhất báo cáo tài chính (Bao gồm Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh) hợp nhất năm 2018 (Đã kiểm toán) do bà Ngô Thị Nam- Phó Tổng giám đốc - thừa ủy quyền Tổng giám đốc Công ty trình bày, cụ thể:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

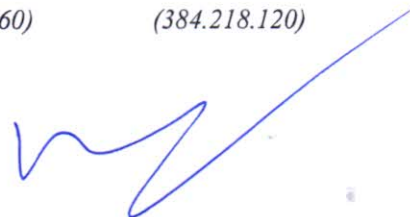
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.232.335.792	160.044.388.738
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	90.270.967.898	100.985.769.049
1. Tiền	111		13.870.967.898	8.085.769.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		76.400.000.000	92.900.000.000

II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.000.000.000	18.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	23.000.000.000	18.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.634.796.932	36.971.313.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	36.754.355.669	26.635.377.719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.555.000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.09	1.874.886.263	10.335.936.183
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	3.102.296.948	3.076.889.691
1. Hàng tồn kho	141		3.102.296.948	3.076.889.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.224.274.014	1.010.416.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	221.535.191	146.223.342
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.002.738.823	850.906.930
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.12		13.285.824
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.746.684.813	48.720.195.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		52.555.007.927	40.212.795.222
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.03	46.897.309.645	34.446.019.340
- Nguyên giá	222		128.725.766.464	110.583.520.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.828.456.819)	(76.137.500.677)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.04	5.657.698.282	5.766.775.882
- Nguyên giá	228		6.998.251.392	6.998.251.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.340.553.110)	(1.231.475.510)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.05	4.855.987.245	5.248.883.385
- Nguyên giá	241		5.633.101.505	5.633.101.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(777.114.260)	(384.218.120)





IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.670.725.674	2.505.358.674
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.670.725.674	2.505.358.674
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		664.963.967	753.158.443
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	664.963.967	753.158.443
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		216.979.020.605	208.764.584.462

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		89.909.749.159	84.263.284.687
I. Nợ ngắn hạn	310		89.909.749.159	84.263.284.687
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.509.184.526	3.295.393.758
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		830.047.500	1.038.688.072
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.668.023.117	1.014.626.738
4. Phải trả người lao động	314		73.143.251.387	74.369.630.654
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	986.455.357	1.563.520.503
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.772.787.272	2.981.424.962
II. Nợ dài hạn	330			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.069.271.446	124.501.299.775
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	127.069.271.446	124.501.299.775
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			

- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	46.043.850.000	46.043.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	46.043.850.000	46.043.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.700.000	2.700.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	11.961.087.293	11.961.087.293
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	8.322.242.482	37.305.719.684
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421	60.739.391.671	29.187.942.798
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	60.739.391.671	29.187.942.798
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	216.979.020.605	208.764.584.462

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	368.533.586.508	305.732.344.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		368.533.586.508	305.732.344.163
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	290.548.698.930	268.881.477.747
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.984.887.578	36.850.866.416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.302.459.629	4.036.230.181
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	240.066.781	250.404.440
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05.a	1.600.799.682	2.048.852.487

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05.b	5.822.616.980	6.828.558.477
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.623.863.764	31.759.281.193
12. Thu nhập khác	31	VI.07	400.133.640	78.749.401
13. Chi phí khác	32		4.655.719	30.319
14. Lợi nhuận khác	40		395.477.921	78.719.082
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.019.341.685	31.838.000.275
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	6.071.180.014	2.650.057.477
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.948.161.671	29.187.942.798
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		69.948.161.671	29.187.942.798
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	15.192	5.705
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	15.192	5.705

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3/ Tổng nhất báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá tình hình hoạt động của công ty năm 2018

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện, sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

4/ Tổng nhất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018:

Lợi nhuận sau thuế 2018 **69.948.161.671 đồng**

Phân phối:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 10%/LN 2018	6.948.000.000 đồng
- Chi trả cổ tức 20 % VĐL đã chi năm 2018	9.208.770.000 đồng
- Chi trả cổ tức 20 % VĐL trong năm 2019	9.208.770.000 đồng
- Dự phòng bổ sung vốn chủ sở hữu	44.582.621.671 đồng

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

5/ **Tổng nhất phát hành 129.400 cổ phiếu** (gần 3% cổ phần hiện có của Công ty) trong năm 2019 bán cho cán bộ quản lý đang làm việc tại Công ty với giá 19.600đ/CP (Quy chế, đối tượng và số lượng được mua theo danh sách đính kèm). Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện đợt phát hành này theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

6/ Thông qua điều chỉnh sửa đổi điều 5, điểm 1 của điều lệ Công ty, nâng vốn điều lệ của công ty lên 47.337.850.000 đồng và số cổ phần là 4.733.785 cổ phần khi được UBCKNN cho phép phát hành 129.400 cổ phiếu.

Biểu quyết: Số người tán thành 93 người, sở hữu và đại diện sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.

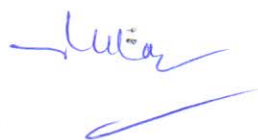
Biên bản này đã được đọc và thông qua trước đại hội với 100% cổ đông và đại diện cổ đông dự họp, sở hữu 4.603.815 cổ phần / 4.604.385 cổ phần biểu quyết chấp thuận.

Phan Thiết, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Thư ký



NGUYỄN TẤN VŨ



NGUYỄN THỊ XUÂN MAI



HUYỄN VĂN NGHI

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTY CP MAY XK PHAN THIẾT
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
Căn cứ vào điều lệ của Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết
Căn cứ vào biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết ngày 31/03/2019.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY XK PHAN THIẾT
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1: Thống nhất báo cáo của hội đồng quản trị tổng kết năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019

Kế hoạch năm 2019 với một số chỉ tiêu chính sau

- Tổng doanh thu :	396.024.297.000	đồng
- Doanh thu CM (Tỉ giá 23.000đ)	356.335.297.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	43.671.118.000	đồng
- Tỉ lệ %lợi nhuận trước thuế/doanh thu :	11,03	%
- Trích bù quỹ lương dự phòng	30.000.000.000	đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp 20%	2.734.223.600	đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	10.936.894.400	đồng
- Chia cổ tức 20% vốn điều lệ mới	9.467.570.000	đồng
- Đầu tư:	50.000.000.000	đồng
Trong đó: + Máy móc thiết bị	10.000.000.000	đồng
+ Khu công nghiệp Phú Long	40.000.000.000	đồng

Điều 2: Thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2018

Điều 3: Thống nhất báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 với một số chỉ tiêu chính sau:

- Tổng doanh thu :	368.533.586.508	đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	76.019.341.685	đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp :	6.071.180.014	đồng
- Lợi nhuận sau thuế :	69.948.161.671	đồng

Điều 4: Thống nhất phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

Lợi nhuận sau thuế 2018 69.948.161.671 đồng

Phân phối:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 10%/LN 2018	6.948.000.000	đồng
- Chi trả cổ tức 20 % VDL đã chi năm 2018	9.208.770.000	đồng
- Chi trả cổ tức 20 % VDL mới trong năm 2019		
- Dự phòng bổ sung vốn chủ sở hữu	44.582.621.671	đồng

Điều 5: Thống nhất phát hành 129.400 cổ phiếu (gần 3% cổ phần hiện có của Công ty) trong năm 2019 bán cho cán bộ quản lý đang làm việc tại Công ty với giá 19.600đ/CP (Qui chế, đối tượng và số lượng được mua theo danh sách đính kèm). Ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện đợt phát hành này theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 6: Thống nhất điều chỉnh sửa đổi điều 5, điểm 1 của điều lệ Công ty, nâng vốn điều lệ của công ty lên 47.337.850.000 đồng và số cổ phần là 4.733.785 cổ phần khi được UBCKNN cho phép phát hành 129.400 cổ phiếu.

Điều 7: Tổ chức thực hiện: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 31/03/2019

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết có trách nhiệm lãnh đạo Công ty thực hiện các nội dung của bản nghị quyết này.
- Nghị quyết sẽ được thông báo tới tất cả cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết.

Nghị quyết này đã được đại hội nhất trí biểu quyết thông qua 100% ./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
CỔ PHẦN
MAY XUẤT KHẨU
PHAN THIẾT
HUYNH VĂN NGHI



Số : 01/ BC

Phan Thiết, ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ hoạt động của Công Ty CP May Xuất Khẩu Phan Thiết.
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công Ty do Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam kiểm.

Ban kiểm soát báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2018 của Công Ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Phan Thiết.

I/ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tham gia làm việc với Ban giám đốc về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính của Công ty.
- Xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán.
- Đại diện Ban kiểm soát cũng tham gia vào Ban quản lý hoạt động thường ngày của đơn vị để có những thông tin chính xác và thường xuyên về các hoạt động của Công Ty.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đã tuân thủ các qui định của Pháp luật trong công tác quản lý. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Các quyết định của Ban Tổng giám đốc đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời. Các quyết định vượt thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc đều được ban hành sau khi Ban Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, sở giao dịch chứng khoán về thông tin đối với Công Ty cổ phần đại chúng và Công Ty niêm yết.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2018 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc .

III/ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018:

- Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018.
- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 368.533.586.508 đồng.
- + Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp là 69.948.161.671 đồng
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2018, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Ban kiểm soát xin cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, giám đốc và các bộ phận phòng ban Công Ty CP May Xuất Khẩu Phan Thiết đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ năm 2018.

Trân trọng!

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN TẤN VŨ

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

A. TỔNG KẾT NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Những Thuận lợi chính

- Công ty lựa chọn được khách hàng tốt, mặt hàng ổn định .
- Công ty có được chiến lược với khách hàng và người lao động phù hợp, có hiệu quả.
- Công nhân phần đông ổn định , nhiệt tình , chịu khó và ham học hỏi .
- Tình hình kinh tế thế giới đang hồi phục, tình hình chính trị của một số nước trong khu vực có sự không ổn định trong khi nước ta có sự ổn định, một số khách hàng có xu hướng rút đơn hàng về Việt Nam.
- Tỷ giá tiền đồng so với đô la Mỹ tăng
- Công ty đã đầu tư thêm một số máy móc thiết bị mới.

2. Những Khó khăn lớn.

- Các chi phí chính của đầu vào chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành vẫn liên tục tăng như : Tiền lương, BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn, điện nước, vận chuyển, ...
- Trình độ quản lý chất lượng còn yếu vẫn chưa theo kịp sự phát triển của công ty.
- Một số máy móc thiết bị đã cũ và lạc hậu làm ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Cạnh tranh lao động ngành may trong tỉnh tăng cao. Lao động biết nghề may còn thiếu nhiều .
- Trình độ Công nhân không đồng đều, và chưa có tác phong công nghiệp nhất là ở các chuyên môn được thành lập.
- Số lượng công nhân tuyển mới đa số chưa biết nghề may , phải đào tạo từ đầu.

II KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	% TH/KH
1- Doanh thu tiền đồng	Đồng	328.384.054.000	368.533.586.508	112,22
2-Lợi nhuận trước thuế	Đồng	28.811.954.000	76.019.341.685	263,85
3- Tỷ lệ % lợi nhuận TT/doanh thu	%	8,77	20,63	235,10
4- Nộp thuế thu nhập	Đồng	2.344.059.050	6.071.180.014	259,00
5-Lợi nhuận sau thuế	Đồng	26.467.894.950	69.948.161.671	264,28
6- Vốn điều lệ :	Đồng	46.043.850.000	46.043.850.000	100,00
7- Cổ tức :	Đồng	9.208.770.000	9.208.770.000	100,00
8- % cổ tức/vốn điều lệ :	%	20%	20	100,00

9- Đầu tư		45.000.000.000	14.170.000.000	31,49
- Máy móc thiết bị		5.000.000.000	14.170.000.000	283,40
- Khu công nghiệp tại Phú Long		40.000.000.000	0	0

III. NHẬN XÉT :

1/Những mặt làm được :

- Kịp thời điều chỉnh chính sách với khách hàng, hệ thống quản lý và người lao động phù hợp, có hiệu quả
- Giữ vững niềm tin đối với khách hàng , giảm thiểu rủi ro về đơn hàng khi thị trường biến động.
- Các Công ty hoạt động ổn định liên tục, có đủ đơn hàng cho công nhân làm việc
- Tổ chức, nhân sự tiếp tục được đào tạo, kiện toàn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển.
- Công ty Dịch vụ PLG, nhà nghỉ công nhân và nhà trẻ cho con CBCNV phát huy hiệu quả tốt ;
- Giữ và nâng cao được uy tín ,hình ảnh thương hiệu của Công ty .
- Định hướng phát triển kinh doanh nội địa và xuất khẩu theo phương thức FOB đã có sự chuẩn bị phù hợp với khả năng của cty .

2/Những tồn tại cần khắc phục :

- Lực lượng quản lý, đặc biệt là cấp trung và thấp, vẫn chưa cải thiện được nhiều để đáp ứng với yêu cầu công việc.
- Công tác dự báo đánh giá, tiếp thị thị trường, khách hàng còn yếu
- Hệ thống quản lý đặc biệt là quản lý chất lượng vận hành vẫn còn nhiều thiếu sót
- Công tác đánh giá quản lý máy móc thiết bị còn yếu. Đầu tư thay thế các máy móc thiết bị cũ và lạc hậu vẫn còn chậm.
- Lao động còn thiếu tác phong công nghiệp .
- Năng xuất lao động còn thấp. Chất lượng chưa thật ổn định
- Chưa phát huy tốt sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quản lý .
- Chưa phát triển được thị trường nội địa

3/ Kết luận :

Năm 2018, hầu hết các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Trong điều kiện tình hình thế giới, trong nước còn nhiều khó khăn, biến động khó lường, Công ty đạt được kết quả trên so với các đơn vị cùng ngành là rất tốt. Để tiếp tục phát triển bền vững trong thời gian tới Công ty phải quan tâm nhiều đến công tác đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, hệ thống quản lý, chính sách cho người lao động để nâng cao năng suất lao động; Xây dựng được chiến lược kinh doanh, khách hàng kết hợp cho được hình thức gia công, sản xuất xuất khẩu và kinh doanh nội địa. có hiệu quả, Nghiên cứu kịp thời đầu tư đầu tư mở rộng sản xuất một cách hiệu quả.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Theo dõi ,giám sát, chỉ đạo thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng các qui chế đảm bảo cho hoạt động của công ty có hiệu quả như : qui chế lương, thưởng, tuyển dụng ,
- Xây dựng chiến lược kinh doanh của công ty.
- Xem xét , theo dõi quyết định đầu tư như: máy móc thiết bị, nhà ở thu nhập thấp, đầu tư mở rộng công ty và khu công nghiệp ...
- Xây dựng mô hình tổ chức công ty và bổ nhiệm cán bộ phù hợp
- Thực hiện các công việc khác theo điều lệ của công ty

B. NHIỆM VỤ NĂM 2019

I.TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC :

- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, rủi ro , khó đoán định. một số nước lớn có xu hướng bảo hộ mậu dịch trở lại . Chiến tranh thương mại MỸ - TRUNG chưa có hồi kết.
- Canh tranh đơn hàng gia công ngành may với các nước đang phát triển ở khu vực châu á ngày càng gay gắt.

- Lao động biết nghề may ngày càng thiếu trầm trọng ,
- Chi phí đầu vào vẫn tiếp tục tăng cao.
- Công ty May Phú Long hết được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tuy nhiên, Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều hiệp định thương mại và đầu tư với các nước; tình hình chính trị và kinh tế vĩ mô ổn định; hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên quốc tế ngày càng tăng; vị trí địa lý của Việt Nam thuận lợi , dự báo ngành dệt may năm 2019 và vài năm tiếp theo còn có cơ hội thuận lợi về đơn hàng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG – MỤC TIÊU :

- Nhiệm vụ Kế hoạch năm 2019 doanh thu tăng 7,5% so với thực hiện năm 2018.
- Bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho công nhân, thực hiện đúng, đủ các chế độ cho công nhân theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầu tư đổi mới, công nghệ, máy móc thiết bị cũ, lạc hậu
- Thực hiện tốt công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ và tay nghề cho công nhân
- Thực hiện đầu tư khu công nghiệp tại Phú Long.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.
- Đảm bảo cổ tức cho cổ đông 20 % .

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ :

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	% KH/TH 2018
1- Doanh thu tiền đồng <i>Trong đó: - doanh thu CM (tỉ giá 23.000đ/USD)</i>	Đồng	368.533.586.508 -	396.024.297.000 356.335.297.000	107,46 -
2-Lợi nhuận trước thuế	Đồng	76.019.341.685	43.671.118.000	57,45
3- Tỷ lệ % lợi nhuận TT/doanh thu	%	20,63	11,03	53,47
4- Trích quỹ lương dự phòng	Đồng		30.000.000.000	ÉT
5- Nộp thuế thu nhập DN 20%	Đồng	6.071.180.014	2.734.223.600	45,04
6-Lợi nhuận sau thuế	Đồng	69.948.161.671	10.936.894.400	15,64
7- Vốn điều lệ :	Đồng	46.043.850.000	47.337.850.000	103,00
8- Cổ tức :	Đồng	9.208.770.000	9.467.570.000	103,00
9- % cổ tức/vốn điều lệ :	%	20	20	100,00
10- Đầu tư		14.170.000.000	50.000.000.000	352,86
- Máy móc thiết bị	Đồng	14.170.000.000	10.000.000.000	70,57
- Khu công nghiệp tại Phú Long		0	40.000.000.000	-

IV. BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN :

- Theo sát tình hình thế giới và trong nước để có chính sách với khách hàng linh hoạt , đảm bảo có được khách hàng , nguồn hàng đầy đủ và ổn định ;
- rà soát lại hệ thống quản lý, Ban hành các nội quy, quy định phù hợp với hoàn cảnh Công ty, kiểm tra, giám sát để đảm bảo các quy định được thực thi một cách nghiêm ngặt nhằm từng bước đưa người lao động vào khuôn khổ, tạo tác phong công nghiệp, tăng năng xuất lao động ;
- Thuê tư vấn, tư vấn xây dựng, thực hiện đạt các tiêu chuẩn quốc tế trong ngành may được các tổ chức có uy tín quốc tế đánh giá công nhận.

- Quy hoạch, tổ chức đào tạo tại chỗ để đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ quản lý;
- Có chính sách lương, thưởng linh hoạt để khuyến khích người lao động hăng say làm việc, giữ chân người hiện tại, đồng thời tuyển dụng thêm được nhiều người mới ;
- Nghiên cứu áp dụng qui trình công nghệ, kỹ thuật, qui trình quản lý tiên tiến phù hợp với công ty , Cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất , chất lượng .
- Đầu tư thay thế các thiết bị đã quá cũ, trang bị đủ các thiết bị chuyên dùng còn thiếu, triệt để sử dụng cỡ gá lắp kết hợp với qui trình công nghệ hợp lý và thực hiện tiết kiệm để tăng năng suất lao động, giảm chi phí và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh ;
- Áp dụng có hiệu quả quy trình sản xuất tinh gọn, xây dựng lại hệ thống 5S cho phù hợp thực tế và thực hiện triệt để các quy trình, hệ thống này.
- Sử dụng tốt nhà ở thu nhập thấp cho người lao động trong công ty thuê.
- Tiếp tục phát huy hiệu quả Công ty Dịch vụ PLG, nhà nghỉ công nhân và nhà trẻ cho con CBCNV.
- Đầu tư Khu Công nghiệp Phú Long và nhà máy may PLG3 tại khu công nghiệp phú Long

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HUỶNH VĂN NGHI

Số: 01-QC/HĐQT

Phan Thiết, ngày 31 tháng 3 năm 2019

QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN (ƯU ĐÃI)
CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2019

1. Các khái niệm:

Công ty: Công ty cổ phần May xuất khẩu Phan Thiết
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT: Hội đồng quản trị
CBCNV: Cán bộ công nhân viên

2. Mục đích phát hành:

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm tạo điều kiện cho cán bộ đang làm việc trong công ty được sở hữu cổ phiếu của công ty, ghi nhận đóng góp và gắn kết người lao động với Công ty; thúc đẩy nhân viên nỗ lực phấn đấu phát triển công ty; khuyến khích nhân viên làm việc lâu dài với Công ty; chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty

3. Cơ sở pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH 12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ của Công ty cổ phần May xuất khẩu Phan Thiết ngày 18/3/2018;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019 NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Công ty cổ phần May xuất khẩu Phan Thiết;

4. Tên cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu, giá bán một cổ phiếu, Số lượng cổ phiếu phát hành và thời điểm thực hiện, hạn chế chuyển nhượng:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Phan Thiết
- Mã chứng khoán: PTG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông có hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày phát hành.
- Mệnh giá một cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu (mười ngàn đồng một cổ phiếu)
- Giá bán : 19.600 đồng/ cổ phiếu, mười chín ngàn sáu trăm đồng một cổ phiếu.

- Số lượng phát hành: **129.400 cổ phiếu** tương ứng gần 3% số lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành.
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến quý 2 năm 2019 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần chào bán cho CBCNV bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày phát hành..
 - + Trong thời gian cổ phiếu bị giới hạn chuyển nhượng, được yêu cầu Công ty mua lại với giá mua ban đầu.
 - + Số lượng cổ phiếu Công ty mua lại thành cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tiêu chí lựa chọn CBCNV được mua cổ phiếu.

- Cấp bậc quản lý từ chuyên trưởng trở lên tổng giám đốc, có đóng góp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty, có nhu cầu đăng ký mua cổ phần của Công ty.

6. Cách tính số lượng cổ phiếu CBCNV được mua:

Căn cứ để phân bổ cổ phiếu đến từng CBCNV được xác định dựa trên các tiêu chí nêu tại mục 5 như trên, đảm bảo sự phù hợp về thâm niên công tác, vị trí công tác, mức độ đóng góp của từng người lao động trong sự phát triển của Công ty, trong đó ưu tiên những CBCNV chủ chốt. HĐQT đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc để đưa ra danh sách CBCNV được mua một cách công bằng và minh bạch cụ thể như trong danh sách sau: (có danh sách kèm theo)

7. Cách thức phân phối cổ phiếu:

- HĐQT phê duyệt danh sách và số lượng cổ phiếu được mua của Công ty.
- CBCNV có tên trong danh sách mua nhưng không mua thì sẽ không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác.
- Tại thời điểm phát hành, nếu CBCNV được mua cổ phiếu đột xuất nghỉ việc hoặc không còn đạt tiêu chí được mua như ở mục 5 thì không được mua cổ phiếu như đã phê duyệt.
- Số lượng cổ phiếu mà CBCNV đăng ký nhưng không mua hết hoặc không thanh toán, hoặc không còn quyền được mua sẽ được HĐQT phân phối tiếp cho các CBCNV khác theo tiêu chí như mục 5 như trên với giá bằng với giá bán ban đầu.

8. Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phát hành cổ phiếu cho CBCNV.

- HĐQT là đơn vị được ĐHCĐ ủy quyền thực hiện phát hành cổ phiếu cho CBCNV, theo đó HĐQT có quyền điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế phát hành cổ phiếu cho CBCNV này phù hợp với thực tiễn và phù hợp với hướng dẫn của các đơn vị quản lý đề phương án phát hành đạt kết quả cao.
- Quy chế này là một phần của Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2019 NQ-ĐHCĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2019 của Công ty cổ phần May xuất khẩu Phan Thiết.

Quy chế có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban tổng giám đốc, Ban giám đốc các Công ty, các đơn vị trực thuộc của công ty có trách nhiệm thi hành đúng các nội dung trong quy chế này.

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY XUẤT KHẨU
PHAN THIẾT

HUYNH VĂN NGHI

DANH SÁCH CÁN BỘ ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN ƯU ĐÃI NĂM 2019
(Kèm theo qui chế số 01-QC/HĐQT ngày 31/3/2019 của HĐQT)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ CÔNG VIỆC	NƠI LÀM VIỆC	SỐ LƯỢNG	TỈ LỆ % ĐƯỢC MUA	TỔNG TỈ LỆ % ĐƯỢC MUA	SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA	TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA	GHI CHÚ
1	Lê Thanh Hoài Vũ	Tổng giám đốc	PTG	1	9,77%	9,77%	13500	13.500	
2	Ngô Thị Nam	Phó Tổng giám đốc	PTG	1	3,62%	3,62%	5000	5.000	
3	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giám đốc Cty	PTG	1	3,62%	3,62%	5000	5.000	
4	Đặng Thùy Mai	Phó GD Cty	PLG	1	3,62%	3,62%	5000	5.000	
5	Huyền Thị Ngọc Chấn	Kế toán trưởng	PLG	1	3,62%	3,62%	5000	5.000	
6	Huyền Tân Thịnh	Trưởng phòng Kỹ thuật	PLG	1	3,62%	3,62%	5000	5.000	
7	Trần Thùy Bảo	Phó GD Cty	PLG	1	2,90%	2,90%	4000	4.000	
8	Nguyễn Thị Khánh Phú	Giám đốc chất lượng Cty	PTG	1	2,90%	2,00%	4000	4.000	
9	Trần Thị Tuyết Thanh	Chủ tịch công đoàn	PTG	1	0,94%	1,00%	1300	1.300	
10	Nguyễn Hữu Thắng	Trợ lý chủ tịch	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
11	Nguyễn Thị Xuân Mai	Giám đốc kinh doanh	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
12	Nguyễn Tân Vũ	Phó GD Cty	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
13	Đặng Thị Kim Phương	Phụ trách kế toán	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
14	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giám đốc XN	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
15	Nguyễn Thị Mỹ Thương	Giám đốc XN	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
16	Phùng Ngọc Hà Tâm	Trưởng Phòng Hành chính	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
17	Hoàng Thạch Vũ	Trưởng phòng Kỹ thuật	PTG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
18	Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch công đoàn	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
19	Huyền Anh Tân	Giám đốc XN	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
20	Đỗ Thị Kim Liên	Giám đốc XN	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
21	Nguyễn Thu Ba	Phó GD XN	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
22	Phạm Thị Mỹ Trang	Trưởng Phòng Nhân sự	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
23	Nguyễn Hạnh	Trưởng Phòng Hành chính	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
24	Lê Thị Dương Loan	Trưởng phòng may mẫu	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	
25	Nguyễn Minh Trung	Trưởng cơ điện	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300	



26	Nguyễn Bích Trâm	Quản đốc Xưởng cắt	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
27	Lê Ngọc Vũ	Quản đốc Xưởng Thành phẩm	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
28	Nguyễn Văn Minh	Phó phòng Kỹ thuật	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
29	Nguyễn Thị Kim Dì	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
30	Nguyễn Thị Hải	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
31	Nguyễn Thị Thảo	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
32	Châu Thị Tài	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
33	Trần Thị Mươi	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
34	Trần Thị Diễm Phúc	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
35	Huyền Thị Lan	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
36	Võ Thị Mỹ Liên	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
37	Võ Quang Tùng	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
38	Nguyễn Thị Xuân Hà	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
39	Lê Thị Hai	Nhóm trưởng	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
40	Ngô Tân Chiến	Phụ trách XNK	PLG	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
41	Chê Văn Mươi	Giám đốc Cty	Cty DVPLC	1	0,94%	0,94%	1300	1.300
42	Nguyễn Quốc Cường	Trợ lý TGD	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
43	Đông Kim Liễu	Phụ trách kế hoạch	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
44	Huyền Thị Hồng Vân	Phụ trách XNK	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
45	Nguyễn Văn Thương	Trưởng VPDD	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
46	Ngô Ngọc Thủy	Tổ trưởng tổ Cắt	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
47	Nguyễn Thị Thanh Huyền	QA	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
48	Đỗ Minh Hưng	Tổ trưởng tổ ủi	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
49	Diệp Thanh Hùng	Tổ trưởng tổ thành phẩm	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
50	Từ Chánh Lạc	Tổ trưởng cơ điện	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
51	Trần Văn Hiếu Thuận	Tổ phó cơ điện	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
52	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng QC	PTG	1	0,36%	0,36%	500	500
53	16 điều hành chuyên	Chuyên trưởng	PTG	16	0,36%	5,79%	500	8.000
54	Đỗ Thị Thái Thủy	Phụ trách kế hoạch	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
55	Lê Thị Ngọc Bích	Phụ trách kế hoạch	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
56	Võ Thị An Thuận	Phụ trách kế hoạch	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
57	Phạm Văn Lâm	Phó Phụ trách XNK	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
58	Nguyễn Hoàng Thiện	Phó cơ điện	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500

59	Dương Danh	Tổ trưởng tổ úi	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
60	Nguyễn Văn Chung	Tổ trưởng tổ úi	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
61	Nguyễn Thị Đức Bích	QA	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
62	Trương Thị Nguyệt	QA	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
63	Nguyễn Thị Khoir	QA	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
64	Trần Thị Thanh Tuyền	QA	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
65	Nguyễn Thị Thắm	QA	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
66	Nguyễn Thị Huệ	Trưởng QC	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
67	Nguyễn Thị Bích Phương	Trưởng QC	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
68	Trần Thị Ngọc Châu	Trưởng QC	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
69	Trần Thị Bích Trâm	Trưởng QC	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
70	Lâm Thị Nguyễn Thảo	Trưởng QC	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
71	Nguyễn Thị Tiên	Trưởng Đánh số - ép keo	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
72	Trần Thị Kim Oanh	Trưởng Đánh số - ép keo	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
73	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Trưởng Đánh số - ép keo	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
74	Trần Thị Ngọc Mai	Chuyên trưởng C1	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
75	Nguyễn Thị Bích Hiền	Chuyên trưởng C2	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
76	Phạm Thị Bích Hiền	Chuyên trưởng C4 + C5	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
77	Nguyễn Thị Nhon	Chuyên trưởng C6	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
78	Nguyễn Tấn Lộc	Chuyên trưởng T14	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
79	Trần Thị Thu Tuyết	Chuyên trưởng T2	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
80	Trần Thị Dự Thu	Chuyên trưởng C14	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
81	Lê Thị Thương	Chuyên trưởng C9	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
82	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Chuyên trưởng C10	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
83	Đào Thị Mai	Chuyên trưởng C11	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
84	Lê Thị Mên	Chuyên trưởng C12	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
85	Lê Thị Mỹ Huệ	Chuyên trưởng C13	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
86	Lê Thị Nhã Phương	Chuyên trưởng T4	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
87	Đặng Thị Thu	Chuyên trưởng T9	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
88	Nguyễn Thị Bích Phương	Chuyên trưởng T10	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
89	Huyền Thị Phương Danh	Chuyên trưởng L1	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
90	Lý Thị Trúc Mai	Chuyên trưởng T11	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	
91	Nguyễn Thanh Nhon	Chuyên trưởng T12	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500	



92	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Chuyên trường C7	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
93	Trần Thị Mai	Chuyên trường T7	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
94	Trần Minh Vũ	Chuyên trường C8	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
95	Châu Thị Kim Hạnh	Chuyên trường S3	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
96	Nguyễn Thị Xuân Hải	Chuyên trường L2	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
97	Lê Thanh Nhật	Chuyên trường L3	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
98	Nguyễn Thị Bích Nga	Chuyên trường T15	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
99	Nguyễn Thị Kim Thu	Chuyên trường M1	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
100	Ngô Thị Lệ Trinh	Chuyên trường M2	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
101	Trần Thị Lệ	Chuyên trường M3	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
102	Ngô Thị Thu Huyền	Chuyên trường M7	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
103	Dương Thị Thu Thúy	Chuyên trường T1	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
104	Hồ Thị Thu Bảo	Chuyên trường M4	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
105	Nguyễn Văn Phòng	Chuyên trường M5	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
106	Lê Thị Kim Lin	Chuyên trường M6	PLG	1	0,36%	0,36%	500	500
TỔNG CỘNG				121	88,25%			129.400,00



CHỦ TỊCH HĐQT
PHAN THIẾT
HUYỀN VĂN NGHỊ